

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

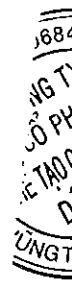
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRƯỚC KIỂM TOÁN**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 21



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Thế Hưởng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2015)
Ông Phan Từ Giang	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2015)
Ông Hoàng Huy Hà	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2016)
Bà Lê Thị Kim Khuyên	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2016)
Ông Trần Thiện Lê	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2016)
Ông Vũ Minh Phú	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên
Ông Lê Hưng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2015)

##### Ban Giám đốc

Ông Phan Từ Giang	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2015)
Ông Lê Hưng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2015)
Ông Lê Hưng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2015)
Ông Trần Quốc Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lưu Tâm	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015)
Ông Nguyễn Nam Anh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2015)
Ông Đào Đỗ Khiêm	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 06 tháng 8 năm 2015)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, M

  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
Ngày 13 tháng 3 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

**MÃ SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2016	31/12/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1,499,223,886,406</b>	<b>1,548,528,293,634</b>
(100=110+120+130+140+150)				
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>210,112,202,558</b>	<b>479,440,036,807</b>
1. Tiền	111		124,112,202,558	479,440,036,807
2. Các khoản tương đương tiền	112		86,000,000,000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3,456,258,114</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	128		3,456,258,114	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1,050,267,520,061</b>	<b>251,336,885,551</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7,656,565,820	9,334,433,214
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	353,183,053,577	193,901,843,094
3. Phải thu theo tiến độ của hợp đồng xây dựng	134		643,262,085,615	-
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	8	46,152,860,459	48,087,654,653
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		12,954,590	12,954,590
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>221,256,452,868</b>	<b>811,658,576,347</b>
1. Hàng tồn kho	141		221,256,452,868	811,658,576,347
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14,131,452,805</b>	<b>6,092,794,929</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	333,672,380	2,020,111,029
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8,115,340,289	2,454,686,460
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	5,682,440,136	1,617,997,440
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =220+240+260)</b>	<b>200</b>		<b>647,922,410,660</b>	<b>682,223,177,998</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218			
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>511,238,238,480</b>	<b>545,354,829,477</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	509,097,608,288	542,725,655,534
- Nguyên giá	222		1,279,066,327,200	1,279,066,327,200
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(769,968,718,912)	(736,340,671,666)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	2,140,630,192	2,629,173,943
- Nguyên giá	228		41,132,298,145	41,132,298,145
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(38,991,667,953)	(38,503,124,202)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>136,684,172,180</b>	<b>136,868,348,521</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	133,410,772,180	133,594,948,521
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	3,273,400,000	3,273,400,000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2,147,146,297,066</b>	<b>2,230,751,471,632</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



*Handwritten signature*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thới Nhất  
 Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2016	31/12/2015
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1,651,204,783,478</b>	<b>1,760,515,856,260</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,065,100,334,381</b>	<b>1,174,411,407,163</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	114,615,519,049	287,007,785,471
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	51,749,891,303	51,749,701,303
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	1,789,159,635	6,932,885,183
4. Phải trả người lao động	314		8,777,329,818	13,156,471,863
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	18,381,935,012	31,586,189,874
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	197,744,149
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	24,916,377,429	25,665,405,886
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	842,747,412,539	755,727,413,838
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2,122,709,596	2,387,809,596
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>586,104,449,097</b>	<b>586,104,449,097</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	586,104,449,097	586,104,449,097
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>495,941,513,588</b>	<b>470,235,615,372</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>490,766,865,108</b>	<b>460,460,146,238</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		594,897,870,000	594,897,870,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết			594,897,870,000	594,897,870,000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2,597,721,463	2,597,721,463
3. Lợi nhuận/ lỗ chưa phân phối	421		(106,728,726,355)	(137,035,445,225)
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(137,035,445,225)	(175,719,341,089)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		30,306,718,870	38,683,895,864
<b>II. Nguồn kinh phí sự nghiệp</b>	<b>430</b>		<b>5,174,648,480</b>	<b>9,775,469,134</b>
1. Nguồn kinh phí	431		4,760,487,045	9,328,527,263
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		414,161,435	446,941,871
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>2,147,146,297,066</b>	<b>2,230,751,471,632</b>

Nguyễn Phương Hương  
 Người lập biểu

Nguyễn Văn Quang  
 Kế toán trưởng



Ngày 13 tháng 4 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

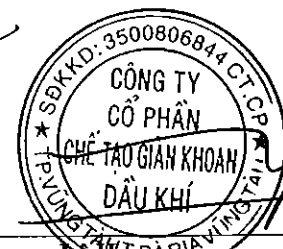
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

**MẪU SỐ B 02-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	24	646,653,143,444	281,308,083,717
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		646,653,143,444	281,308,083,717
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	25	596,648,044,123	257,065,374,235
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		50,005,099,321	24,242,709,482
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	2,892,393,952	3,483,769,822
7. Chi phí tài chính	22	27	15,171,827,279	13,323,186,770
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14,800,575,239	12,489,847,391
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	28	7,508,967,654	7,319,382,970
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		30,216,698,340	7,083,909,564
10. Thu nhập khác	31		964,705,430	41,923,958
11. Chi phí khác	32		874,684,900	1,743,579,884
12. Lợi nhuận/lỗ từ hoạt động khác (40=31-32)	40	29	90,020,530	(1,701,655,926)
13. Lợi nhuận/lỗ trước thuế (50=30+40)	50		30,306,718,870	5,382,253,638
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	-	-
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
15. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		30,306,718,870	5,382,253,638
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	509.44	90.47

Nguyễn Phương Hương  
 Người lập biểu

Nguyễn Văn Quang  
 Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Quang  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 13 tháng 4 năm 2016

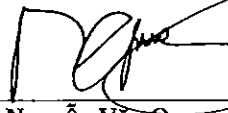
844 C  
 TY  
 IAN  
 AN KHO  
 U KHÍ  
 JT. BARI

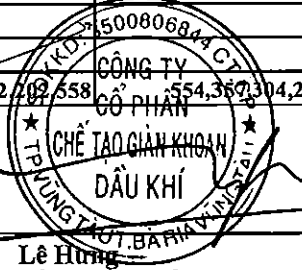
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

**MẪU SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận/lỗ trước thuế	1	30,306,718,870	5,382,253,638
2. Điều chỉnh cho các khoản:		21,702,190,557	23,001,703,674
Khấu hao tài sản cố định	2	34,083,810,561	36,043,797,313
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	-	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(1,410,076,964)	(1,745,359,127)
Chi phí lãi vay	6	(10,971,543,040)	(11,296,734,512)
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	52,008,909,427	28,383,957,312
Biến động các khoản phải thu	9	(808,574,328,129)	(343,958,823,337)
Biến động hàng tồn kho	10	590,402,123,479	15,020,372,162
Biến động các khoản phải trả	11	(165,055,147,114)	(301,575,226,224)
Biến động chi phí trả trước	12	1,870,614,990	2,333,891,574
Chi phí lãi vay đã trả	13	(23,594,917,329)	(31,714,656,273)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	61,813,578	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1,339,317,796)	36,599,294,600
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(354,220,248,894)	(594,911,190,186)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	-	(3,493,172,310)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3,456,258,114)	-
3. Thu lãi tiền gửi	27	1,328,674,058	1,745,351,627
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2,127,584,056)	(1,747,820,683)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền chi trả vốn góp cho các cổ đông	32	-	-
2. Tiền thu từ đi vay ngắn hạn, dài hạn	33	225,843,651,143	137,444,814,248
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(138,823,652,442)	-
4. Thanh toán lãi vay và cổ tức	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	87,019,998,701	137,444,814,248
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm	50	(269,327,834,249)	(459,214,196,621)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	479,440,036,807	1,013,571,500,908
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	210,112,202,558	554,357,304,287

  
 Nguyễn Phương Hương  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Văn Quang  
 Kế toán trưởng

  
 Lê Hùng  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 13 tháng 4 năm 2016

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3500806844 ngày 09 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 là 685 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 695 nhân viên).

#### Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên quan; kinh doanh các loại thiết bị và nguyên vật liệu liên quan.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

#### Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thảng Nhất  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

độc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản ký quỹ.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 15
Phương tiện vận tải	2 - 6
Thiết bị hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp	2 - 3
Khác	3

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm vi tính và phần mềm thiết kế tàu biển hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy vi tính và phần mềm thiết kế tàu biển mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì giá mua sẽ được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính và phần mềm thiết kế tàu biển được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

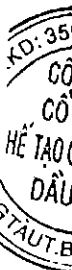
**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất là 47 năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị san lấp mặt bằng và công cụ, dụng cụ, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn trên 1 năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem thuyết minh dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

08088  
G TY  
H AN  
N KHOA  
KHÍ  
RIAVUN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thới Nhất  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

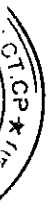
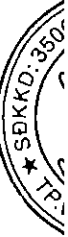
Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/03/2016	31/12/2015
	VND	VND
Tiền mặt	1,220,965,558	866,303,485
Tiền gửi ngân hàng	115,955,794,512	478,573,733,322
Tiền đang chuyển	6,935,442,488	
Các khoản tương đương tiền	86,000,000,000	
	<u>210,112,202,558</u>	<u>479,440,036,807</u>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

*Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	31/03/2016	31/12/2015
	VND	VND
Công ty CP Đầu Tư Dầu Khí Sao Mai - Bến Đình	2,823,461,832	2,831,016,136
Công ty TNHH Một Thành Viên Công Nghiệp Tàu Thủy Dung Quất	1,148,742,450	2,675,415,087
CTy CP Xây Lắp Đường Ống Bể Chứa Dầu Khí	1,579,182,000	1,579,742,000
CTy CP Xây dựng và Dịch vụ Kỹ thuật TJS	1,110,409,411	1,052,522,520
Khách hàng khác	994,770,127	1,195,737,471
	<b>7,656,565,820</b>	<b>9,334,433,214</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/03/2016	31/12/2015
	VND	VND
NATIONAL OILWELL VARCO, L.P.638	199,994,735,987	166,045,059,062
Loadmaster Derrick & Equipment, Inc	94,508,290,009	
Palfinger Ned-deck BV	9,738,306,155	
Ami Marine International Pte Ltd	4,888,315,712	
SHINDONG DIGITECH CO., LTD	3,393,671,400	
EMCÉ	2,017,431,749	
Integrated Power Industries Pte	1,871,194,638	
DRIL-QUIP ASIA FACIFIC PTE LTD		5,928,725,192
Cty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Nội Thất Vina	1,478,822,376	3,619,481,805
Koastal Industries Pte Ltd	2,960,706,045	2,960,706,045
Breathing Air Systems		2,580,351,516
ANDRITZ RITZ PTE LTD	11,519,829,000	2,511,410,000
Công ty TNHH Trường Vinh	2,171,470,056	2,171,470,056
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Pacific	1,607,050,200	1,607,050,200
Công ty TNHH Oakwell Engineering (Việt Nam)	3,977,924,076	1,466,112,026
Fluorocarbon Ltd	829,602,175	829,602,175
Omega Integration Pte Ltd	698,190,000	698,190,000
Cty TNHH Liên Doanh Oval Việt Nam	197,984,444	197,984,444
The American Society Of Mechanical Engineers	197,018,499	197,018,499
Nhà cung cấp khác	11,132,511,056	3,088,682,074
	<b>353,183,053,577</b>	<b>193,901,843,094</b>

Trả trước cho người bán ngắn hạn thể hiện các khoản trả trước đối với Hợp đồng mua thiết bị phục vụ cho Dự án Tam Đảo 05 của Công ty

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/03/2016	31/12/2015
	VND	VND
Phải thu người lao động (khoản tạm ứng)	641,487,169	1,372,977,812
Ký quỹ ký cược	27,000,000	
Phải thu ngắn hạn khác :		
- Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu		381,216,946
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí (PSI) (*)	15,089,074,105	15,412,679,160
- Cơ quan Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu (**)	28,261,130,481	28,261,130,481
- Khách hàng khác	2,134,168,704	2,659,650,254
	<b>46,152,860,459</b>	<b>48,087,654,653</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

(\*) Phải thu ngắn hạn từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí ("PSI") tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 thể hiện khoản cổ tức Công ty đã chuyển cho PSI nhưng PSI chưa thanh toán cho các cổ đông của Công ty.

(\*\*) Phải thu ngắn hạn từ Cơ quan Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu là khoản thuế giá trị gia tăng nhập khẩu của thiết bị nhập khẩu phục vụ dự án Tam Đảo 05 đề nghị hoàn. Khoản thuế này sẽ được hoàn lại tại ngày kết thúc dự án.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/03/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường		-	143,616,226,536	-
Nguyên liệu, vật liệu	216,083,436,084	-	662,157,063,174	-
Công cụ, dụng cụ	5,081,674,279	-	5,830,332,274	-
Chi phí SXKD dở dang	91,342,505	-	54,954,363	-
	<u>221,256,452,868</u>	-	<u>811,658,576,347</u>	-

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/03/2016		31/12/2015	
		VND		VND
a) Ngắn hạn				
Công cụ, dụng cụ xuất dùng		319,256,896		624,607,299
Các khoản khác		14,415,484		1,395,503,730
		<u>333,672,380</u>		<u>2,020,111,029</u>
a) Dài hạn				
Tiền thuê đất (*)		124,961,625,661		125,732,014,960
Công cụ, dụng cụ xuất dùng		3,891,097,618		5,125,198,590
Các khoản khác		4,558,048,901		2,737,734,971
		<u>133,410,772,180</u>		<u>133,594,948,521</u>

(\*) Tiền thuê đất thể hiện tiền thuê mặt bằng tại căn cứ cảng PTSC thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với diện tích 39,8 ha theo Hợp đồng thuê số CN0107001/HDKT - PVSB ngày 06 tháng 12 năm 2007 đã ký kết với Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình cho mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng, kho bãi phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn thuê được tính từ khi hai bên ký biên bản bàn giao mặt bằng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2057.

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/03/2016
	VND			VND
a. Các khoản phải thu:				
Thuế giá trị gia tăng	92,576,415			92,576,415
Thuế thu nhập cá nhân		1,533,597,869	1,941,772,520	408,174,651
Thuế TTĐB			40,967,600	40,967,600
Thuế nhập khẩu	1,617,997,440		3,522,724,030	5,140,721,470
Thuế nhà thầu				-
	<u>1,710,573,855</u>	<u>1,533,597,869</u>	<u>5,505,464,150</u>	<u>5,682,440,136</u>
b. Các khoản phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	554,370,767		554,370,767	-
Thuế thu nhập cá nhân	1,578,116,786		1,578,116,786	-
Thuế nhà thầu	3,408,539,154	6,705,372,581	8,326,752,100	1,787,159,635
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	1,391,858,476	38,000,000	1,427,858,476	2,000,000
	<u>6,932,885,183</u>	<u>6,743,372,581</u>	<u>11,887,098,129</u>	<u>1,789,159,635</u>

*Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**  
 65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thới Nhất  
 Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
 Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 31/03/2016  
**MÃ SỐ B 09-DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Thiết bị hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>							
Tại ngày 01/01/2016	737,699,245,400	120,051,402,553	397,516,923,844	10,051,303,961	3,850,699,617	9,896,751,825	1,279,066,327,200
Tăng trong kỳ							
Kết chuyển từ chi phí XD CBDD	737,699,245,400	120,051,402,553	397,516,923,844	10,051,303,961	3,850,699,617	9,896,751,825	1,279,066,327,200
Tại ngày 31/03/2016	737,699,245,400	120,051,402,553	397,516,923,844	10,051,303,961	3,850,699,617	9,896,751,825	1,279,066,327,200
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>							
Tại ngày 01/01/2016	444,361,209,288	85,191,586,772	186,225,548,791	8,814,945,568	3,403,757,746	8,343,623,501	736,340,671,666
Khấu hao trong kỳ	20,687,344,935	4,248,365,595	8,432,764,695	130,685,691	32,780,436	96,105,894	33,628,047,246
Tại ngày 31/03/2016	465,048,554,223	89,439,952,367	194,658,313,486	8,945,631,259	3,436,538,182	8,439,729,395	769,968,718,912
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
Tại ngày 31/03/2016	272,650,691,177	30,611,450,186	202,858,610,358	1,105,672,702	414,161,435	1,457,022,430	509,097,608,288

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016, tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 64.009.562.159 đồng (tài ngày 31 tháng 12 năm 2015: 56.031.854.530 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm	Phần mềm hình	Tổng
	máy tính	thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp	
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2016	17,966,543,935	23,165,754,210	41,132,298,145
Tăng trong kỳ			-
Tại ngày 31/03/2016	<u>17,966,543,935</u>	<u>23,165,754,210</u>	<u>41,132,298,145</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2016	15,337,369,992	23,165,754,210	38,503,124,202
Khấu hao trong kỳ	488,543,751		488,543,751
Tại ngày 31/03/2016	<u>15,825,913,743</u>	<u>23,165,754,210</u>	<u>38,991,667,953</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/03/2016	<u>2,140,630,192</u>	<u>-</u>	<u>2,140,630,192</u>

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016, nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 38.202.620.542 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 35.269.773.145 đồng).

**14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	Lỗi chênh lệch tỷ giá	Các khoản lỗ tính	Tổng
	chưa thực hiện	thuế	
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2016	-	3,273,400,000	3,273,400,000
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 31/03/2016	<u>-</u>	<u>3,273,400,000</u>	<u>3,273,400,000</u>

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016, Công ty có các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng là 68.273.263.211 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 99.088.017.169 đồng) có thể được dùng để khấu trừ các khoản lợi nhuận trong tương lai. Trong đó:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ tính thuế 16.367.000.000 đồng với mức thuế suất 20%, là khoản lỗ có thể được khấu trừ trong tương lai với lợi nhuận dự kiến phát sinh từ dự án xây dựng giàn khoan Tam Đảo 05.

Công ty không ghi nhận thuế hoãn lại đối với khoản lỗ là 68.273.263.211 đồng vì không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kết chuyển trong thời gian 5 năm kể từ năm sau năm phát sinh lỗ. Lợi ích từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ hết hạn vào năm 2018.

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	31/03/2016		31/12/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Posh Teresa Offshore Pte Ltd			29,668,230,145	29,668,230,145
Len International Pte Ltd	14,696,968,750	14,696,968,750	19,692,582,433	19,692,582,433
National Oilwell Varco LP #638			29,971,510,128	29,971,510,128
Abnormal Load Engineering Ltd			14,529,726,000	14,529,726,000
Semco Maritime Pte Ltd	9,016,000,000	9,016,000,000	9,016,000,000	9,016,000,000
Italgm S.R.L	8,925,840,000	8,925,840,000	8,925,840,000	8,925,840,000
American Bureau Of Shipping (ABS)	6,968,164,190	6,968,164,190		
LOUISIANA MACHINERY COMPANY LLC	6,015,154,162	6,015,154,162		
DRIL-QUIP ASIA PACIFIC PTE LTD	5,888,310,808	5,888,310,808		
PH HYDRAULICS & ENGINEERING PTE LTD	5,161,660,000	5,161,660,000		
EMS Energy Solutions Pte Ltd	4,572,667,260	4,572,667,260		
Cty TNHH Tư Vấn D.P	4,125,200,400	4,125,200,400		
Fluid Systems, INC	3,426,984,981	3,426,984,981		
STEEL WORLD CO., LTD	3,281,851,889	3,281,851,889		
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư 2 A	3,154,265,944	3,154,265,944		
Công ty Cổ phần Hưng Kim	966,537,000	966,537,000	8,698,833,000	8,698,833,000
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải biển Hải Vân			7,233,655,000	7,233,655,000
Gaylin International Pte Ltd			6,942,320,000	6,942,320,000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Kỹ thuật TIS	1,552,442,109	1,552,442,109	6,145,120,814	6,145,120,814
Velocity Energy Pte Ltd	3,137,814,894	3,137,814,894		
Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật Toàn Cầu	662,663,625	662,663,625		
Công ty Cổ phần Lilama 18				
Công ty TNHH Chiến Hưng				
Sterom 2SA				
Phải trả cho các đối tượng khác	33,062,993,037	33,062,993,037	146,183,967,951	146,183,967,951
	<u>114,615,519,049</u>	<u>114,615,519,049</u>	<u>287,007,785,471</u>	<u>287,007,785,471</u>

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN/ DÀI HẠN**

Trong năm 2013, Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro ("Vietsovpetro") tạm ứng 10% giá trị hợp đồng theo thỏa thuận trên Hợp đồng số 885/13/T-N4/KB-PVShipyards ngày 29 tháng 11 năm 2013 liên quan đến dự án xây dựng giàn khoan Tam Đảo 05 được ký kết giữa Công ty và Vietsovpetro. Khoản tạm ứng này được căn trừ dần vào các lần thanh toán kế tiếp theo được quy định cụ thể trên hợp đồng. Số dư người mua trả tiền trước tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 thể hiện số tiền tạm ứng còn lại của Vietsovpetro chưa được căn trừ. Khoản người mua trả tiền trước sẽ được căn trừ hết vào năm 2016, khi dự án Tam Đảo 05 hoàn thành.

	31/03/2016	31/12/2015
	VND	VND
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	46,904,215,050	46,904,215,050
Khác	4,845,676,253	4,845,486,253
	<u>51,749,891,303</u>	<u>51,749,701,303</u>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thới Nhất  
 Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
 Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	31/03/2016	31/12/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	10,324,057,081	22,947,431,370
Chi phí đầu tư xây dựng (gói thầu XL2 theo Báo cáo kiểm toán)	7,018,078,517	7,018,078,517
Chi phí khác	1,039,799,414	1,620,679,987
	<u>18,381,935,012</u>	<u>31,586,189,874</u>

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/03/2016	31/12/2015
	VND	VND
Phải trả cổ tức	19,333,618,500	19,674,255,400
Kinh phí công đoàn	741,496,244	797,115,569
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Tập Đoàn Dầu Khí Việt Nam (*)		
Công ty Bảo hiểm PVI phía Nam (**)	3,249,003,505	3,249,003,505
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro (***)		
Phải trả khác	1,592,259,180	1,945,031,412
	<u>24,916,377,429</u>	<u>25,665,405,886</u>

**19. VAY NGẮN HẠN**

	31/03/2016		Trong kỳ		31/12/2015	
	VND				VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn (*)	764,747,412,539		264,843,651,143	138,823,652,442	638,727,413,838	638,727,413,838
Nợ dài hạn đến hạn trả (**)	78,000,000,000			39,000,000,000	117,000,000,000	117,000,000,000
	<u>842,747,412,539</u>		<u>264,843,651,143</u>	<u>177,823,652,442</u>	<u>755,727,413,838</u>	<u>755,727,413,838</u>

	31/03/2016	31/12/2015
	VND	VND
NH TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN Vũng Tàu	70,838,558,211	134,212,409,289
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	27,043,123	6,772,799,815
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN 4, TPHCM	693,881,811,205	497,742,204,734
	<u>764,747,412,539</u>	<u>638,727,413,838</u>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng sau:

- Vay ngắn hạn bằng đồng Đô la Mỹ từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP") Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu, đáo hạn trong vòng 6 tháng kể từ ngày rút vốn. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất 2%/năm, tiền lãi được thanh toán hàng tháng. Đây là khoản vay từ Hợp đồng tín dụng số 65/2014 ngày 26 tháng 9 năm 2014 với hạn mức tín dụng tương đương 750 tỷ đồng. Hạn mức tín dụng dùng để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở và thanh toán thư tín dụng để phục vụ hợp đồng đóng mới giàn khoan Tam Đảo 05. Hợp đồng này có hiệu lực trong vòng 36 tháng kể từ ngày ký.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 31/03/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

- Vay ngắn hạn bằng đồng Đô la Mỹ từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội – Chi nhánh Vũng Tàu, đáo hạn trong vòng 9 tháng kể từ ngày rút vốn. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản là quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng đóng mới giàn khoan Tam Đảo 05 và chịu lãi suất trong hạn là 2%/năm, tiền lãi được thanh toán hàng tháng. Đây là khoản vay từ Hợp đồng tín dụng số 003/2015/HĐHM-PN/SHB.130800 ký kết trong tháng 01 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 20 triệu Đô la Mỹ. Hạn mức tín dụng dùng để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở và thanh toán thư tín dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Hợp đồng này có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký.

- Vay ngắn hạn bằng đồng Đô la Mỹ từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 04, đáo hạn trong vòng 12 tháng kể từ ngày rút vốn. Khoản vay này không có bảo đảm và chịu lãi suất 2%/năm, tiền lãi được thanh toán hàng tháng. Đây là khoản vay từ Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HĐTDHM/NHCT908-PVShipyard ký kết trong tháng 3 năm 2015 và phụ lục hợp đồng với hạn mức tín dụng tương đương 970 tỷ đồng. Hạn mức tín dụng dùng để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở và thanh toán thư tín dụng để phục vụ hợp đồng đóng mới giàn khoan Tam Đảo 05. Hợp đồng này có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký.

**20. VAY DÀI HẠN**

	31/03/2016		Trong kỳ		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn (**)	586,104,449,097	586,104,449,097			586,104,449,097	586,104,449,097
	<u>586,104,449,097</u>	<u>586,104,449,097</u>	-	-	<u>586,104,449,097</u>	<u>586,104,449,097</u>

Vay và nợ dài hạn thể hiện khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVFC") nay là Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (gọi tắt là "PVcomBank") gồm 2 hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 11/2011/HDTDUT/TCDK-CNV.TD ngày 17 tháng 5 năm 2011 với số tiền 641 tỷ đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Thời hạn vay ban đầu là 12 tháng từ ngày 24 tháng 5 năm 2011 đến ngày 24 tháng 5 năm 2012 và gia hạn đến ngày 24 tháng 11 năm 2014 theo Phụ lục số 01/11/2011/HDTDUT/TCDK-CNV.TD. Khoản vay này là khoản vay tín chấp và đã được giải ngân hết trong năm 2011.

- Hợp đồng tín dụng số 07/HDTDUT/TCDK-CNV.TD ngày 18 tháng 3 năm 2011 với số tiền tối đa là 250 tỷ đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Lãi suất vay bằng lãi suất huy động vốn từ tổ chức kinh tế kỳ hạn 12 tháng của PVcomBank tại thời điểm xác định lãi suất cộng 5%/năm đối với khoản vay giải ngân trước ngày 06 tháng 10 năm 2011 và 14,2%/năm đối với khoản vay giải ngân sau ngày 06 tháng 10 năm 2011. Khoản vay này là khoản vay tín chấp. Thời hạn vay là thời hạn từ khi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chuyển vốn ủy thác cho PVcomBank đến ngày 06 tháng 4 năm 2012. Công ty đã giải ngân 153.197.270.000 đồng trong năm 2011 và 30.363.179.097 đồng trong năm 2012.

Ngày 09 tháng 5 năm 2013, Công ty và PVcomBank đã ký hai Phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/07/HDTDUT/TCDK-CNV.TD và số 02/11/2011/HDTDUT/TCDK-CNV.TD cho hai hợp đồng tín dụng. Theo đó, hai khoản vay này được cơ cấu lại và gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Hai khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 30 tháng 6 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Khoản vay chịu lãi suất bằng 100% lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng phí ủy thác (0,15%/năm).

Ngày 29 tháng 6 năm 2015, Công ty và PVComBank đã ký bổ sung phụ lục của hai hợp đồng tín dụng số 03/07/HDTDUT/TCDK-CNV.TD và số 03/11/2011/HDTDUT/TCDK-CNV.TD. Theo đó, khoản nợ đáo hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ được trả vào năm 2015, khoản nợ gốc còn lại

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 31/03/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

sẽ được trả trong 19 kỳ (6 tháng một lần) bắt đầu từ ngày 30 tháng 6 năm 2015 tới ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/03/2016	31/12/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	78,000,000,000	117,000,000,000
Trong năm thứ hai	78,000,000,000	78,000,000,000
Trong năm thứ ba đến năm thứ năm	234,000,000,000	234,000,000,000
Từ năm thứ sáu đến năm thứ mười	313,104,449,097	313,104,449,097
Cộng	703,104,449,097	742,104,449,097
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(117,000,000,000)	(117,000,000,000)
Trừ: số đã trả trong kỳ		(39,000,000,000)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>586,104,449,097</b>	<b>586,104,449,097</b>

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	594,897,870,000	2,597,721,463	(137,035,445,225)	460,460,146,238
Lợi nhuận trong kỳ			30,306,718,870	30,306,718,870
Số dư tại ngày 31/03/2016	594,897,870,000	2,597,721,463	(106,728,726,355)	490,766,865,108

**Cổ phần**

	31/03/2016	31/12/2015
	Cổ phần	Cổ phần
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	59.489.787	59.489.787
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	59.489.787	59.489.787
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	59.489.787	59.489.787

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết cổ đông và vốn cổ phần tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/03/2016 và 31/12/2015		
	%	Số cổ phần	Vốn đã góp (VND)
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	28,75	17.105.643	171.056.430.000
Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	7,53	4.479.257	44.792.570.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4,03	2.400.000	24.000.000.000
Liên doanh Dầu khí Việt-Xô	3,63	2.161.300	21.613.000.000
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	4,03	2.400.000	24.000.000.000
Các cổ đông khác	52,03	30.943.587	30.943.587.000
	<b>100</b>	<b>59.489.787</b>	<b>594.897.870.000</b>

Theo Nghị quyết số 021/15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 3 năm 2015, các Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phát hành thêm 61.918.213 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng cho cổ đông chiến

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

lược là Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu Thủy Dung Quất trong đương 51% vốn điều lệ và quyền chi phí phối. Việc tăng vốn được dự kiến thực hiện trong Quý I năm 2016.

Tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo Quý I/2016 vẫn chưa hoàn thành theo đúng kế hoạch đặt ra.

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/03/2016	31/12/2015
Ngoại tệ các loại		
Đôla Mỹ	435,805.95	11,747,504.69
Euro	102.07	1,084.56

**23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016 là liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Về mặt địa lý, Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**24. DOANH THU THUẬN CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015
	VND	VND
Hợp đồng xây dựng (TĐ05)	643,459,829,764	276,118,590,692
Hợp đồng nâng cấp, sửa chữa khác	1,139,467,038	2,589,414,897
Dịch vụ khác	2,053,846,642	2,600,078,128
	<u>646,653,143,444</u>	<u>281,308,083,717</u>

**25. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015
	VND	VND
Hợp đồng xây dựng (TĐ05)	595,796,138,670	255,665,361,752
Hợp đồng nâng cấp, sửa chữa khác	60,829,319	1,287,502,727
Dịch vụ khác	791,076,134	112,509,756
	<u>596,648,044,123</u>	<u>257,065,374,235</u>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1,410,076,964	1,745,359,127
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1,482,316,988	1,738,410,695
	<u>2,892,393,952</u>	<u>3,483,769,822</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	14,800,575,239	12,489,847,391
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	371,252,040	833,339,379
	<b>15,171,827,279</b>	<b>13,323,186,770</b>

**28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015
	VND	VND
Chi phí lương	5,662,405,029	6,288,139,175
Chi phí khác	1,846,562,625	1,031,243,795
	<b>7,508,967,654</b>	<b>7,319,382,970</b>

**29. LÃI/ LỖ KHÁC**

	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015
	VND	VND
Thu nhập khác	964,705,430	41,923,958
Chi phí khác	874,684,900	1,743,579,884
Lãi/ (lỗ) từ hoạt động khác	<b>90,020,530</b>	<b>(1,701,655,926)</b>

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Lợi nhuận/ (lỗ) trước thuế	30,306,718,870	5,382,253,638
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	508,035,088	
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(306,905,531)
Thu nhập/ (lỗ) chịu thuế	<b>30,814,753,958</b>	<b>5,075,348,107</b>
Thu nhập/ (lỗ) chịu thuế suất 10%	29,523,199,636	27,603,785,438
Thu nhập/ (lỗ) chịu thuế suất thông thường	1,291,554,322	2,494,178,069
Lỗ năm trước mang sang	(99,088,017,169)	(179,939,912,926)
Lỗ chịu thuế suất 10%	(17,835,346,356)	(78,363,350,340)
Lỗ chịu thuế suất thông thường	(81,252,670,813)	(101,576,562,586)
Thu nhập/ (lỗ) chịu thuế đã điều chỉnh	<b>(68,273,263,211)</b>	<b>(174,864,564,819)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-

Theo Công văn số 6031/CT-TTHT do Cục thuế Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ký ngày 17 tháng 10 năm 2008, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo các mức thuế suất như sau:

- Đối với các hoạt động đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập với thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế trong mười năm kể từ năm bắt đầu hoạt động kinh doanh và theo thuế suất thông thường cho các năm sau đó. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2010), và được giảm 50% thuế thu nhập trong ba năm tiếp theo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 31/03/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

- Đối với hoạt động thi công công trình thủy, sản xuất các loại vật liệu, sản xuất thiết bị cơ khí và điện tử phục vụ công tác chế tạo giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí và tàu thủy, chế tạo thiết bị và kết cấu thép cho các công trình hạ tầng và công nghiệp, nạo vét luồng lạch và san lấp tạo bãi, tạo mặt bằng xây dựng, cung cấp dịch vụ xây dựng cho công trình dầu khí và các hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập với thuế suất thông thường theo quy định hiện hành là 22%.

Trong năm, Công ty không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp do Công ty không có thu nhập tính thuế.

**31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**


	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	30,306,718,870	5,382,253,638
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	59,489,787	59,489,787
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>509.44</u>	<u>90.5</u>


**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Bên liên quan****Mối quan hệ**


Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam      Cổ đông lớn

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã được trình bày ở các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	31/03/2016	31/12/2015
	VND	VND
Số dư các khoản phải trả khác (*)		
Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam	2.239.628.500	2.239.628.500
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt Xô	<u>1.080.650.000</u>	<u>1.080.650.000</u>

  
Nguyễn Phương Hương  
Người lập biểu

  
Nguyễn Văn Quang  
Kế toán trưởng

  
Lê Trung  
Tổng Giám đốc  
Ngày 13 tháng 4 năm 2016